

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Tạ Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đào Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị T**, địa chỉ: Tổ B, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Duy Đ**, địa chỉ: Tổ B, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Duy Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/10/2011. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người

không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và không tìm được giải pháp để khắc phục. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 16/9/2011. Quá trình anh chị sống ly thân cháu Đ1 vẫn ở với anh Đ và được chăm sóc chu đáo, ăn học ổn định và chị T đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị T không yêu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Duy Đ có bản tự khai vào ngày 13/02/2025 trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh Đ thống nhất với nội dung chị T trình bày về điều kiện, thời điểm, địa điểm xây dựng hạnh phúc và đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn khả năng đoàn tụ nên anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung như chị T đã trình bày, anh Đ nhận nuôi con Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 16/9/2011 đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H vào ngày 12/3/2025, thể hiện tình trạng mâu thuẫn, con chung giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Đ như nội dung chị T và anh Đ đã trình bày.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Anh Nguyễn Duy Đ vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân, cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy Đ. Về con chung: Giao con Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 16/9/2011 cho anh Nguyễn Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem

xét. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ là bị đơn và cư trú tại Tổ B, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng trong vụ án cho các đương sự. Tuy nhiên anh Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của anh Đ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/10/2011. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không có sự chia sẻ, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và anh chị cũng không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn đó. Chị T và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được giải quyết ly hôn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh Đ. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của anh chị đã căng thẳng và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Đ có 01 con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 16/9/2011. Chị T và anh Đ đều thỏa thuận và đề

ngợi giao con chung cho anh Nguyễn Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kết quả xác minh cho thấy trong khoảng thời gian sống ly thân, con chung vẫn ở với anh Đ và được chăm sóc chu đáo, ăn học ổn định. Do vậy cần giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2011 cho anh Nguyễn Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006094 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Duy Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND Dương Kinh;
- Chi cục THADS Dương Kinh
- UBND Hưng Đạo, Dương Kinh;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

